

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-PT

Ngày: 22 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Tô Văn Thịnh

Bà Bùi Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 38/2022/TLPT - HS ngày 21 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

***Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Văn T (tên gọi khác Lê Văn C) sinh năm 1985; tại thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số nhà 1A, ngõ 49, đường N, phố B, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nơi ở: thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn M và bà Đinh Thị S; vợ Nguyễn Kim Á (đã ly hôn) và có 02 con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 19/11/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; ngày 30/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; ngày 26/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 25 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

Nhân thân: Năm 2005 bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; năm 2008 bị UBND thành phố N đưa vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục - Lao động xã hội với thời hạn là 24 tháng; năm 2012 bị Công an huyện Y xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/9/2021 đến ngày 25/9/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T là người sử dụng ma túy; ngày 14/9/2021, T sang huyện Ý, tỉnh Nam Định mua của một người không quen biết 01 túi ma túy với số tiền là 800.000 đồng. Sau đó T mang túi ma túy về nhà tại thôn P, xã K; T lấy một phần sử dụng, số còn lại T chia và đựng vào 02 túi nilon để bán cho người nghiện. Khoảng 11 giờ ngày 15/9/2021, Vũ Ngọc Q rủ Điền Văn D góp tiền mua ma túy về sử dụng. D đồng ý góp 200.000 đồng, Q góp 100.000 đồng. D điều khiển xe mô tô (không xác định được biển số) chở Q đến ngã ba khu công nghiệp K; Q sử dụng điện thoại Masster gọi cho T hỏi mua ma túy với số tiền là 300.000 đồng, T đồng ý. D tiếp tục chở Q đến nhà T ở thôn P, xã K; đến nơi D ngồi ngoài cổng, còn Q đi vào phòng ngủ của T và đưa cho T 300.000 đồng để mua ma túy như đã thỏa thuận từ trước, tuy nhiên T nói “cái này là cái năm, còn tiền không” nghĩa là túi ma túy này là 500.000 đồng; thấy vậy Q đi ra ngoài hỏi tiền D, nhưng D không có tiền, Q quay lại phòng ngủ của T và nói “quả này anh không điện sớm làm em chạy đến đây”, T nói “còn thiếu bao nhiêu”, Q nói “dạ hai trăm”. Sau đó T lấy trong túi quần của T đang mặc 01 túi nilon ma túy dạng tinh thể màu trắng đưa cho Q và nói “vậy còn nợ hai trăm nhé”, Q đưa cho T 300.000 đồng và cầm túi ma túy đi về. Khi đi đến ngã tư Big C thuộc xã N, thành phố N, Q bảo D phải về trước có việc. Q lấy túi ma túy vừa mua của T chia một nửa, gói vào trong mảnh giấy đưa cho D. Sau đó Q lấy điện thoại SamSung, mở video quay lại quá trình mua bán ma túy với T để cho D xem. Vì trước đó D nhờ Q quay lại nơi ở và đặc điểm của T để lần sau nếu có nhu cầu sử dụng ma túy thì D tự mình đến gặp T để mua. Sau khi được chia một nửa ma túy D đi bộ đến khu vực bờ đê Sông Đáy thuộc thôn V, xã N để sử dụng; còn Q điều khiển xe mô tô về đến thị trấn Y, huyện Y thì gặp bạn nghiện tên là N (không xác định được lai lịch), Q đã trả cho N chiếc xe mô tô mà Q đã sử dụng để mua ma túy, vì xe mô tô là Q mượn của Nghĩa.

Hồi 7 giờ 10 phút ngày 16/9/2021 Q cầm túi ma túy mua của T đến khu vực nghĩa trang thuộc phố K, phường N, thành phố N để sử dụng. Khi Quý đang sử dụng ma túy thì bị tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy phối hợp với Công an phường N phát hiện và thu giữ của Q 01 điện thoại Masstel, 01 điện thoại Samsung, 01 bật lửa ga, 01 vỏ túi nilon; 01 chai nhựa có gắn ống hút nhựa và ống thủy tinh hình phễu, trong phễu còn bám dính chất tinh thể màu trắng, cho vào túi niêm phong mã số PS2A 046323. Q khai nhận chất tinh thể màu trắng còn bám dính trong phễu là ma túy mua của T ngày 15/9/2021.

Căn cứ tài liệu điều tra, Hồi 12 giờ 30 ngày 16/9/2021 Cơ quan điều tra

Công an tỉnh Ninh Bình đã tiến hành khám xét chỗ ở của T ở thôn P, xã K; thu giữ 01 điện thoại Iphon sim thuê bao số 0916135235, 02 túi nilon, 01 cân tiểu ly, 01 chai nhựa màu trắng có gắn với ống hút nhựa và ống thủy tinh hình phễu tiến hành niêm phong ký hiệu mã số PS2A041323. Khám xét người của T thu giữ trong túi quần bên phải của T đang mặc 1.000.000 đồng, thu giữ trong túi quần bên trái của T đang mặc 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 02 túi nilon màu trắng có chứa chất bột tinh thể màu trắng; tiến hành niêm phong ký hiệu K2.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình tiến hành mở niêm phong vật chứng thu giữ của T trong phong bì niêm phong ký hiệu K2 và cân xác định khối lượng: Túi thứ nhất khối lượng chất tinh thể màu trắng là 0,2394 gam, sau đó cho vào túi nilon ký hiệu M1; túi thứ hai khối lượng chất tinh thể màu trắng là 0,2010 gam, sau đó cho vào túi nilon ký hiệu M2. Các túi nilon ký hiệu M1 và M2 cho vào phong bì niêm phong ký hiệu M.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã gửi các mẫu để trưng cầu giám định gồm “Chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu M” thu giữ của T và “Chất tinh thể màu trắng bám dính trong ống thủy tinh hình phễu niêm phong ký hiệu mã số PS2A046323” thu giữ của Quý.

Kết luận giám định số 711/KLGD-PC09-MT ngày 23/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng là 0,2394 gam, ký hiệu M2 có khối lượng là 0,2010 gam; tổng khối lượng chất dạng tinh thể màu trắng trong hai mẫu gửi giám định là M1, M2 là 0,4404 gam đều là ma túy loại Methamphetamine.

- Chất dạng tinh thể màu trắng bám dính bên trong đoạn ống thủy tinh một đầu hình phễu gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, lượng Methamphetamine bám dính ít không xác định được khối lượng. Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng danh mục II, số thứ tự 323 Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 18/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ: 16/9/ 2021, phạt bổ sung 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, về án phí, tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/5/2022, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù.

Căn cứ vào điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 (chín) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt tạm giữ ngày 16/9/2021. Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T 12.000.000 đồng.

Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám xét, vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trưa ngày 15/9/2021 tại nhà Lê Văn T ở thôn T, xã K, T đã bán cho Vũ Ngọc Q 01 túi nilon ma túy với số tiền là 500.000 đồng. Hồi 12 giờ 30 ngày 16/9/2021 tại nhà T ở thôn T, xã K, tổ công tác của Công an tỉnh Ninh Bình khám xét và thu giữ trong túi quần của T đang mặc 02 túi nilon ma túy, T khai 02 túi nilon ma túy này T tàng trữ để bán. Kết luận giám định thể hiện, tổng khối lượng chất ma túy thu giữ của T là 0,4404 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Hành vi bán ma túy cho Vũ Ngọc Q vào ngày 15/9/2021 và hành vi tàng trữ 0,4404 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích để bán của bị cáo Toàn là trái pháp luật. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo T đã phạm tội trong trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn T là có căn cứ, đúng

pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T xin được giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội, phát sinh các tội phạm khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có nhân thân xấu; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, thể hiện bị cáo là người tuổi đời còn trẻ không chịu tu dưỡng rèn luyện coi thường pháp luật không nhận thức được tác hại của ma túy, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân bị cáo tiếp tục mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 09 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo đưa ra đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng đầy đủ. Vì vậy, kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 18/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt đã quyết định đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Văn T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Căn cứ vào điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 18/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 (chín) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 16/9/2021. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đồng.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí: Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/7/2022.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao (01 bản);
- VKSND Cấp cao (01 bản);
- KT NV THA (02 bản);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
- Phòng HSNV - Công an Ninh Bình (01 bản);
- TAND – huyện Y (4 bản);
- VKSND - huyện Y (01 bản);
- Chi cục THA - huyện Y (01 bản);
- Công an - huyện Y (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Trại tạm giam Công an tỉnh NB (1 bản);
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- Lưu hồ sơ, lưu tòa, HCTP (03 bản);
- Thông báo chính quyền địa phương b/c.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Hiệp